

VỀ TRI THỨC BẢN ĐỊA VÀ PHÁT TRIỂN

VŨ TRƯỜNG GIANG*

Hiện nay, tri thức bản địa (Indigenous Knowledge) ngày càng nhận được sự quan tâm nghiên cứu của nhiều nhà khoa học, nhiều tổ chức quan phương và phi quan phương. Điều này xuất phát từ tầm quan trọng của tri thức bản địa trong đời sống cư dân, đặc biệt là với những nước đa tộc người như Việt Nam. Việc phát huy và kết hợp những giá trị của tri thức bản địa với tri thức khoa học cần phải được vận dụng một cách hợp lý trong quá trình phát triển kinh tế - xã hội - văn hóa.

1. Khái niệm tri thức bản địa

Thuật ngữ “tri thức bản địa” được Robert Chambers dùng lần đầu tiên trong một ấn phẩm xuất bản năm 1979. Sau đó, thuật ngữ này được Brokensha và D.M.Warren sử dụng vào năm 1980 và tiếp tục phát triển cho đến ngày nay⁽¹⁾.

Khác với “tri thức hàn lâm” (Academic Knowledge) được hình thành chủ yếu qua các nhà thông thái, được hệ thống hoá và truyền lại qua học vấn và sách vở. Tri thức bản địa được hình thành, tồn tại và phát triển trong quá trình lao động sản xuất, ứng xử với môi trường tự nhiên và xã hội của mọi thành viên trong cộng đồng, được bổ sung, hoàn thiện dần dần, được truyền

từ đời này sang đời khác thông qua nhiều hình thức như kinh nghiệm, ca hát, câu đố, tập tục, thói quen... Giữa tri thức bản địa (tri thức địa phương) và tri thức khoa học có sự khác biệt⁽²⁾.

Trong những năm gần đây ở Việt Nam, cụm từ “tri thức bản địa” (Indigenous Knowledge) hay “tri thức địa phương” (Local Knowledge) đã được sử dụng trong một số công trình nghiên cứu với nhiều tên gọi khác nhau. Lê Trọng Cúc đồng nhất “tri thức địa phương” với “văn hóa truyền thống”; Ngô Đức Thịnh gọi là “tri thức dân gian”, “tri thức địa phương”, “tri thức bản địa”; Hoàng Xuân Tý cho rằng ba khái niệm “kiến thức bản địa”, “kiến thức truyền thống” “kiến thức địa phương” gần đồng nghĩa với nhau; Diệp Đình Hoa gọi là “bản sắc văn hóa tộc người” hay “tri thức tộc người”; Phạm Quang Hoan gọi là “tri thức địa phương”, “tri thức bản địa”, “tri thức dân gian”, “tri thức tộc người”; Nguyễn Dục Thiệu gọi là “tri thức bản địa”, “tri thức dân gian”, “tri thức của người bản địa”; Trần Công Khánh, Trần Văn Ôn gọi là “tri thức bản địa”; Trần Bình, Mông ký Slay gọi là “tri thức địa phương”, “tri thức bản địa”; Nguyễn Văn Mạnh, Nguyễn Xuân Hồng, Nguyễn Hữu Thông gọi là “tri thức dân gian”, “luật tục”; Hoàng Hữu Bình, Đặng

* Ths. Vũ Trường Giang. Học viện Chính trị khu vực I, Học viện Chính trị - Hành chính Quốc gia HCM

Thị Hoa, Trần Hồng Hạnh gọi là “tri thức địa phương”; Nguyễn Xuân Hồng gọi là “kiến thức bản địa”; Vi Văn An, Nguyễn Trường Giang gọi là “tri thức bản địa”...

Từ những cách gọi khác nhau như trên, các nhà nghiên cứu có những quan niệm và cách hiểu khác nhau về nội hàm của cụm từ “tri thức bản địa”. PGS.TS Lê Trọng Cúc cho rằng: “Tri thức địa phương hay còn gọi là tri thức bản địa là hệ thống tri thức của các cộng đồng dân cư bản địa ở các quy mô lãnh thổ khác nhau⁽³⁾. GS.TS. Ngô Đức Thịnh cho rằng: “Tri thức bản địa là toàn bộ những hiểu biết của con người về tự nhiên, xã hội và bản thân, hình thành và tích lũy trong quá trình lịch sử lâu dài của cộng đồng, thông qua trải nghiệm trong quá trình sản xuất, quan hệ xã hội và thích ứng môi trường⁽⁴⁾. TSKH Trần Công Khánh và TS Trần Văn Ôn cho rằng: “Tri thức bản địa là hệ thống tri thức, bao gồm rất nhiều lĩnh vực liên quan đến sản xuất, phong tục, tập quán, tín ngưỡng, sức khoẻ, tổ chức cộng đồng, của một tộc người hoặc một cộng đồng tại một khu vực địa lý cụ thể. Nó được hình thành trong quá trình sống và lao động của cả cộng đồng, từ đàn ông, đàn bà, người lớn tuổi đến trẻ em. Nó được lưu giữ bằng trí nhớ và lưu truyền bằng miệng⁽⁵⁾. Tiến sĩ John Ambler cho rằng: “Tri thức địa phương có thể được phân biệt làm hai loại chính. Một loại có thể được gọi là “tri thức kỹ thuật”. Một loại khác liên quan đến các tên gọi như: “luật lệ địa phương” hoặc là “phong tục” hay tục lệ⁽⁶⁾...”

Tóm lại, Tri thức bản địa là tri thức được hình thành trong quá trình lịch sử lâu dài, qua kinh nghiệm ứng xử của con người với môi trường và xã hội; được lưu truyền từ đời này qua đời khác qua trí nhớ, qua thực tiễn sản xuất và thực hành xã hội. Tri thức bản địa chứa đựng trong

tất cả các lĩnh vực của cuộc sống xã hội như sản xuất lương thực, thực phẩm, chăn nuôi; cất trữ và chế biến thức ăn; thu hái, sử dụng cây thuốc và cách chữa bệnh; truyền thụ kiến thức qua các thế hệ trong giáo dục; bảo vệ, quản lý và khai thác hợp lý các nguồn tài nguyên thiên nhiên; tổ chức quản lý cộng đồng, giá trị xã hội, các luật lệ truyền thống trong làng bản...

Tri thức bản địa có những đặc điểm sau:

- Tri thức bản địa được hình thành trong lòng cộng đồng.

- Tri thức bản địa vốn có ở một vùng địa lý và văn hóa nhất định.

- Tri thức bản địa là cơ sở cho các quyết sách về các chiến lược sinh tồn.

- Tri thức bản địa không được ghi lại bằng văn bản một cách có hệ thống.

- Tri thức bản địa là kiến thức về các vấn đề cơ bản như sản xuất, cuộc sống của người và vật, quản lý tài nguyên thiên nhiên.

- Tri thức bản địa có tính động dựa trên sự đổi mới, thích nghi và đúc rút kinh nghiệm.

- Tri thức bản địa có tính truyền khẩu và tính địa phương.

2. Tầm quan trọng của tri thức bản địa trong phát triển

Ngày nay, trên thế giới cũng như ở Việt Nam, tri thức bản địa (tri thức địa phương) càng ngày càng được chú ý trong quá trình phát triển. Hệ thống tri thức bản địa này thực tế đã phát triển bên ngoài và song song với hệ thống tri thức khoa học hiện đại của nhân loại.

Tri thức bản địa đã và đang được cụ thể hoá và được nghiên cứu ở nhiều lĩnh vực khác nhau. Việt Nam là một quốc gia đa

tộc người, tri thức bản địa của mỗi tộc người khác nhau, tộc người này mạnh về lĩnh vực này, tộc người kia lại ưu việt trong lĩnh vực khác.

Kết quả nghiên cứu ở Việt Nam cho thấy, người dân ở miền núi có vốn tri thức lớn, rất cần thiết cho việc xây dựng phát triển ở vùng cao. Vốn hiểu biết đó là sự kết hợp hài hoà các điều kiện ở địa phương để tồn tại và phát triển. Nhiều nghiên cứu về dân tộc học, sinh vật học, lâm nghiệp... cho thấy người dân sống bằng trồng trọt ở vùng cao thường có sự hiểu biết chi tiết về độ ẩm trong vùng, tiềm năng của đất, kỹ thuật trồng trọt thích ứng nhất, các loại giống cây trồng và vật nuôi...

Do tri thức bản địa có tầm quan trọng lớn trong việc thực hiện các dự án phát triển mang tính bền vững cho nên không những chỉ các nước đang phát triển mà các nước có nền khoa học phát triển cao như Mỹ, Canada, Hà Lan... cũng rất chú ý sưu tầm, phân tích và ứng dụng tri thức bản địa, nhằm tìm kiếm những giải pháp quản lý bền vững cổ truyền cũng như giá trị của các tài nguyên mà khoa học hiện đại chưa biết tới. Hiện nay, trên thế giới có nhiều cơ quan nghiên cứu về tri thức bản địa. ở Mỹ có Trung tâm kiến thức bản địa phục vụ nông nghiệp và phát triển nông thôn (CIKARD); ở Hà Lan có Trung tâm nghiên cứu quốc tế và mạng lưới hỗ trợ (CIRAN)... Những trung tâm đó đã có nhiều đóng góp cho lĩnh vực nghiên cứu, sưu tầm này. Việc phát huy và áp dụng tri thức bản địa trên thế giới đã mang lại nhiều thành công lớn. Đó là việc hợp tác với người E-xki-mô (ở Ca na đa) trong việc tìm kiếm, theo dõi sự di chuyển của đàn cá voi, để tiến hành đánh số hiệu từng con; việc hợp tác với thổ dân trên núi cao trồng khoai tây bằng hạt đã tạo được giống khoai sạch bệnh ở Pê-ru... Rất

nhiều nghiên cứu cho rằng, đa dạng sinh học phải vận dụng tri thức bản địa nằm trong nền văn hoá của các tộc người địa phương. Tại Indônêxia cũng như Ấn Độ và nhiều quốc gia khác ở châu á đang cố gắng dựa vào tín ngưỡng của cư dân bản địa để bảo vệ rừng, duy trì đa dạng sinh học mà người dân bản địa là lực lượng tham gia chính... Như vậy, rõ ràng tri thức bản địa không những chỉ có giá trị phục vụ các giải pháp phát triển, mà nó còn là kho báu văn hoá cần được bảo vệ và sử dụng thật hữu ích⁽⁷⁾.

Nhiều nhà nghiên cứu trên thế giới cho rằng kiến thức bản địa hay kiến thức địa phương là vốn kiến thức duy nhất của một nền văn hóa hay xã hội nhất định. Nó dường như tương phản với kiến thức được tạo ra ở hệ thống các trường đại học quốc tế, các viện nghiên cứu và các công ty tư nhân. Kiến thức bản địa được sử dụng ở cấp địa phương bởi các cộng đồng ở các quốc gia đang phát triển như là cơ sở trong các quyết sách đối với các vấn đề liên quan tới an ninh lương thực, y tế và thú y, quản lý giáo dục, quản lý nguồn tài nguyên và các hoạt động sống còn khác. Việc khai thác kiến thức bản địa sẽ tạo ra thế mạnh cho các cộng đồng địa phương và có thể góp phần nâng cao hiệu quả của việc trợ giúp trong xóa đói giảm nghèo.

Lợi ích lớn lao từ việc khai thác, sử dụng tri thức bản địa từ lâu đã được cộng đồng thế giới thừa nhận. Theo thống kê của tổ chức Y tế thế giới (WHO), chỉ tính riêng trong lĩnh vực y học cổ truyền, năm 1999 Trung Quốc đã thu được 6 tỷ USD, châu Âu thu được 11,9 tỷ USD (trong đó Đức chiếm 38%, Pháp chiếm 21 % và Anh chiếm 12%). ở Việt Nam, riêng năm 2003 người ta đã tập hợp được 39.381 bài thuốc cổ truyền của 54 dân tộc, sản lượng xuất khẩu dược liệu cổ truyền đạt khoảng

10.000 tấn, đóng góp vào kim ngạch xuất khẩu 10 - 20 triệu USD. Giá trị thương mại của tri thức bản địa trên thực tế còn lớn hơn rất nhiều, chúng ta thử hình dung toàn thế giới phải sử dụng thuốc tân được với chi phí tốn kém thay vì sử dụng thuốc cổ truyền với chi phí thấp. Đặc biệt trong bối cảnh hiện nay, với khoảng 80% dân số thế giới sử dụng thuốc cổ truyền để chăm sóc sức khỏe. Các sản phẩm khai thác tri thức bản địa khác (như các sản phẩm lưu niệm thủ công, các sản phẩm của làng nghề truyền thống, các tác phẩm văn hóa dân gian...) cũng mang lại những lợi ích kinh tế to lớn.

Những số liệu nói trên mới chỉ phản ánh một phần lợi ích kinh tế mà tri thức bản địa mang lại, càng không thể phản ánh hết những lợi ích về văn hóa, xã hội. Nói cách khác, khó có thể đánh giá đầy đủ giá trị to lớn về nhiều mặt của tri thức bản địa và việc khai thác tri thức bản địa. Hơn thế nữa, ngày nay tri thức bản địa được coi là một trong những lợi thế so sánh của một số nước đang phát triển, trong đó có Việt Nam, tạo lợi thế để các nước đó hội nhập với thị trường toàn cầu và từ đó thoát khỏi tình trạng nghèo nàn, lạc hậu⁽⁹⁾.

Mối quan tâm tới sự đóng góp của kiến thức bản địa tới việc hiểu biết hơn về sự phát triển bền vững đã được đẩy lên qua cuộc Hội thảo của Liên hợp quốc về vấn đề môi trường và phát triển vào năm 1992. UNCED nhấn mạnh vấn đề cấp thiết cần phải phát triển một cơ chế nhằm bảo vệ sự đa dạng sinh học của trái đất. Rất nhiều văn bản được thông qua tại UNCED cho thấy cần phải bảo tồn vốn kiến thức và môi trường đang bị mất đi trong các cộng đồng.

Kiến thức bản địa có tính động. Nó là kết quả của một quá trình tích lũy kinh nghiệm, đổi mới và thích nghi một cách liên tục. Chính những điểm này đã cho

thấy kiến thức bản địa có thể hòa nhập được với khoa học và kỹ thuật. Hội thảo thế giới về khoa học (Budapest, 1999) đã đưa ra rằng kiến thức khoa học và kiến thức truyền thống cần phải được hòa nhập trong các dự án đa ngành giải quyết các vấn đề liên quan như văn hóa, môi trường và sự phát triển trong các lĩnh vực như bảo tồn sự đa dạng sinh học, quản lý các nguồn tài nguyên thiên nhiên, nắm bắt được các hiểm họa tự nhiên và giảm thiểu tác động của chúng

Các cộng đồng địa phương và các bên liên quan khác cần phải tham gia những dự án này. Các chuyên gia về phát triển xem kiến thức bản địa như là một nguồn dự trữ chưa được sử dụng và là vô giá, đã ban tặng cho các quốc gia đang phát triển một tài sản đầy quyền năng. Cũng vì lý do này, chúng ta không thể bỏ qua sự đóng góp tích cực của kiến thức bản địa đối với các chiến lược quản lý, sự tồn tại bền vững và hiệu quả của địa phương⁽⁹⁾.

Tuy nhiên, tri thức bản địa cũng có những mặt hạn chế. Sự hạn chế này xuất phát từ đặc tính địa phương (tính bản địa, tính tộc người) của nó rất cao, nên khó phổ biến rộng rãi đến các tộc người khác, vùng khác.

Nhiệm vụ của các nhà khoa học là tìm hiểu và học hỏi tri thức bản địa, sử dụng nó như một nguồn ý tưởng và giả thuyết, và kiểm tra những giả thuyết đó trong khuôn khổ của khoa học hiện đại. Việc nghiên cứu tri thức bản địa không dễ dàng vì nó đòi hỏi các nhà khoa học phải từ bỏ định kiến cho rằng mình là những chuyên gia biết mọi thứ. Họ cần phải chuyển từ vai trò của người thầy sang vai trò của người học sinh, phải lắng nghe đầy đủ những gì người nông dân nói ra. Thông thường, phản ứng đầu tiên của các nhà khoa học là cố định kiến cho rằng người

nông dân ít hiểu biết và hay làm hỏng việc. Nhà khoa học thường muốn ngắt lời họ và sửa đổi những ý kiến cho là họ sai lầm. Tuy vậy, nếu nhà khoa học biết kiên nhẫn nghe đầy đủ những điều người nông dân trình bày, họ sẽ khám phá ra căn cứ hợp lý mà người nông dân đã hành động như họ đã làm.

Do vai trò quan trọng của tri thức bản địa nên việc giáo dục và nghiên cứu về vấn đề này cần được đẩy mạnh hơn nữa. Phải coi việc cung cấp tri thức địa phương là một hướng tiếp cận mới trong giáo dục cho học sinh dân tộc. Có ý kiến đề xuất việc nghiên cứu về tri thức bản địa của các tộc người thiểu số ở nước ta nên tập trung vào các khía cạnh sau đây:

- Tri thức địa phương về sử dụng và quản lý nguồn tài nguyên thiên nhiên, bao gồm rừng, đất đai và nguồn nước.

- Tri thức địa phương trong sản xuất nông nghiệp.

- Tri thức địa phương về y học dân gian và chăm sóc sức khỏe.

- Tri thức về tổ chức và quản lý cộng đồng.

- Truyền thống giáo dục, trao truyền vốn tri thức dân gian trong phạm vi cộng đồng làng bản, dòng họ, gia đình nhằm bảo tồn, phát huy và sử dụng có hiệu quả những kiến thức đó vào phát triển cộng đồng.

Kết luận

Tri thức bản địa có một vai trò rất quan trọng trong phát triển kinh tế - xã hội của một tộc người hay một vùng, thậm chí là của quốc gia. Do vậy, trong mấy thập kỷ gần đây việc nghiên cứu về tri thức bản địa được hình thành và phát triển ở nhiều quốc gia. Nhiều phương pháp nghiên cứu

được áp dụng như phương pháp nghiên cứu tham dự PR (Participating Research), phương pháp đánh giá nhanh nông thôn RRA (Rapid Rural Appraisal), phương pháp đánh giá nhanh nông thôn có sự tham gia của người bản địa PRA (Participatory Rural Appraisal)... đều xuất phát từ nhận thức về tầm quan trọng của tri thức bản địa./.

CHÚ THÍCH

1. TS Hoàng Xuân Tý - PGS.TS Lê Trọng Cúc (chủ biên): *"Kiến thức bản địa của đồng bào vùng cao trong nông nghiệp và quản lý tài nguyên thiên nhiên"*, Nxb Nông nghiệp, Hà Nội, 1998, tr 12.
2. Hoàng Hữu Bình: *"Tri thức địa phương và vấn đề phát triển bền vững ở miền núi Việt Nam"*, Tạp chí Dân tộc học, số 2 - 1998, tr 51.
3. Lê Trọng Cúc: *"Đa dạng sinh học và bảo tồn thiên nhiên"*, Nxb Đại học quốc gia Hà Nội, 2002, tr 215.
4. Ngô Đức Thịnh: *"Thế giới quan bản địa"*, Tạp chí Văn hóa dân gian, số 4- 2004, tr 3.
5. Trần Công Khánh - Trần Văn Ôn: *"Tri thức bản địa trong chăm sóc sức khỏe"*, Báo cáo tại Hội thảo khoa học: *"Tri thức bản địa"*, Ba Vì, ngày 27 - 28 tháng 8 năm 2005.
6. John Ambler: *"Kinh nghiệm nghiên cứu phát triển miền núi: Một số nét khái quát từ châu á"*, Báo cáo tại Hội thảo khoa học: *"Sử dụng hợp lý tài nguyên thiên nhiên và bảo vệ môi trường vùng Bình - Trị - Thiên"*, Huế, 25 - 29/03/1996.
7. Trần Bình: *"Tri thức địa phương, tiềm lực phát triển đất nước"*, Báo Nhân Dân, ngày 24/8/1999.
8. <http://www.tchdkh.org.vn/tchitiet.asp?code=1868>.
9. http://www.ciesin.columbia.edu/TG/AG/iks_ys.html.